

Bản án số: 330/2022/HS-PT

Ngày: 05-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Tuấn Anh

2/ Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2022/TLPT-HS, ngày 21/02/2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn T, Bùi Xuân H1, Phan Văn H2 do có kháng cáo của bị cáo Phan Văn H2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Z đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Phan Văn H2; giới tính: nam; sinh năm: 1960, tại: tỉnh Long An; nơi đăng ký thường trú: 336/1 NVC, phường AH, quận NK, Thành phố Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nghỉ hưu; con ông Phan Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh (đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Hồng Phi và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2014 đến ngày 20/01/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn H2: Ông Trần Hải Đ, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Trần Hải Đ, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bùi Xuân H1; giới tính: nam; sinh năm: 1965, tại: tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: 141 NTTM, Phường Q, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nghỉ

hưu; con ông Bùi Văn Thanh (đã chết) và bà Đặng Thị Tính, sinh năm: 1939; bị cáo đã ly hôn với vợ là Lê Thị Yến và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2014 đến ngày 20/01/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Nguyễn Văn K; giới tính: nam; sinh năm: 1986, tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: Thôn BT, xã LD, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: ấp 2, xã T Đông, huyện TH, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn S và bà Trương Thị Ch; bị cáo đã ly hôn với vợ là Nguyễn Thị Ngọc Th và có 02 con (đều đã chết); tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2014 đến ngày 20/01/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Nguyễn Văn T; giới tính: nam; sinh năm: 1980, tại: tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: Đội 10, xã NH, huyện NL, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: 124 đường TA21, khu phố 4, phường W, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1956; bị cáo có vợ là Trần Thị Phương Ch và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2015 đến ngày 01/7/2015 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1956,

Trú tại: 74/4 HHG, khu phố 3, phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960,

Trú tại: 74/4 HHG, khu phố 3, phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Ông Nguyễn Trung H4, sinh năm 1987,

Trú tại: 1262 KVC, phường LT, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1964,

Trú tại: 277/18 DVB, Phường I, Quận N, Thành phố Hồ Chí (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2008 đến năm 2009, ông Lê Văn M ký hợp đồng khai thác cát với Phan Văn H2 và Bùi Xuân H1. Ông Phan Văn H2 đưa trước cho ông M số tiền là 100.000.000 đồng, Bùi Xuân H1 đưa trước cho ông M số tiền là 350.000.000 đồng. Sau khi hai bên ký hợp đồng, do một số điều kiện trong hợp đồng không đáp ứng được nên hợp đồng không được thực hiện. Ông M hoàn trả lại cho Phan Văn H2 được 20.000.000 đồng, nợ lại 80.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ, ông M chưa trả lại số tiền trên cho Phan Văn H2 và Bùi Xuân H1.

Ngày 12, 13 tháng 7 năm 2014, Lê Anh Kiệt (không xác định lai lịch) gọi điện thông báo cho Phan Văn H2 về việc ông M vừa trúng hợp đồng 1,2 tỉ đồng, sẽ có tiền trả cho ông H1, Kiệt biết nơi ở của ông M, yêu cầu ông H1 nhanh chóng đến Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến trưa ngày 15/7/2014, Phan Văn H2 từ Cần Thơ đến Thành phố Hồ Chí Minh, Kiệt đón Hùng tại bến xe, cả hai đến quán nước, Kiệt giới thiệu hai người em kết nghĩa của mình là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K cho Hùng. Kiệt nhờ T và K tìm giữ ông M để giúp ông H1 đòi nợ. Phan Văn H2 nhờ K và T cố gắng giữ ông M, nếu đòi được nợ sẽ cho tiền “cà phê”. Sau khi 04 người đi ăn uống, Hùng về nhà T ngủ, hẹn K sáng sớm hôm sau sẽ gặp nhau trước nhà ông M.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 16/7/2014, T điều khiển xe gắn máy biển số 59U1-136.18 chở Phan Văn H2 đến gặp K đang ngồi tại quán hủ tiếu trước nhà ông M tại số 09 đường HT18, phường HT, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh ăn sáng. Một lúc sau, T điều khiển xe chạy về nhà có việc, cùng lúc, ông Lê Văn M điều khiển xe gắn máy từ trong nhà chạy ra. Hùng yêu cầu K đuổi theo để kiểm tra có phải là ông M hay không, nếu đúng thì đưa ông M vào quán cà phê để Phan Văn H2 làm việc, K đồng ý và điện thoại đề nghị T quay lại điều khiển xe gắn máy hiệu SH biển số 59U1-136.18 chở K đuổi theo ông M khoảng 500 mét thì đuổi kịp, T áp sát yêu cầu ông M dừng xe nói chuyện. Do không quen biết, ông M tiếp tục chạy được khoảng vài chục mét đến trước nhà số 62/3 đường TTH 22, phường TTH, Quận V thì gặp đèn đỏ nên dừng lại, T dừng xe bên cạnh, khi đèn xanh, T chạy áp sát tiếp tục yêu cầu ông M vào quán cà phê để nói chuyện, K nhảy xuống xe T, lên xe của ông M ngồi phía sau, tay K vịn vào vai ông M yêu cầu vào quán cà phê có “ông H1 Cần Thơ cần gặp”, T điều khiển xe áp sát ép xe buộc ông M phải vào quán cà phê phía trước.

Tại quán cà phê Caro trên đường HT37, phường TTH, Quận V, K và T dẫn ông M đến bàn ngồi, K thông báo với ông M “một lát sẽ có người đến nói chuyện, ông không được la, nếu la sẽ còng tay”, ông M ngồi im không phản kháng. Phan Văn H2 điện thoại yêu cầu T quay lại quán hủ tiếu chở Hùng đến quán cà phê Caro vào ngồi cùng bàn với ông M, T và K ngồi gần quan sát. Trong lúc Hùng và ông M trao đổi, ông M không có tiền trả nợ xin hẹn lại, K nghe ông H1 đe dọa ông M “không có tiền trả lần này thì nát xương”. Phan Văn H2 điện thoại thông báo cho

Bùi Xuân H1 “đã giữ được ông M tại quán cà phê Caro”, yêu cầu Bùi Xuân H1 đến Quận V để giải quyết, nhưng do bận việc, Xuân H1 yêu cầu đưa ông M đến quán cà phê Trung Nguyên tại địa chỉ số 06 TS, Phường 02, quận Z (do Xuân H1 cũng đang có khách hẹn tại địa chỉ trên). Phan Văn H2 thông báo với ông M ngồi đây một lát sẽ đi chỗ khác. Hùng nhờ T gọi taxi 07 chỗ để đưa ông M về quận Z gặp “Hùng râu” để cùng giải quyết nợ, ông M hỏi đi đâu nhưng Hùng không trả lời.

Khi xe taxi đến, Hùng, K dẫn ông M ra xe, T lo sợ trên đường đi ông M bỏ trốn nên nhờ người quen là Trần Thanh Hải đi cùng. Khi lên xe, ông M ngồi băng sau giữa K và Phan Văn H2, Hải ngồi ghế trước cạnh ghế tài xế. Mọi người yêu cầu tài xế chạy về quận Z. Trong lúc ngồi trên xe, Phan Văn H2 gọi điện (không xác định gọi cho người nào) để hỏi địa chỉ và hướng dẫn đường cho tài xế taxi.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, khi đến quán cà phê Trung Nguyên, địa chỉ số 06 TS, Phường 02, quận Z, Bùi Xuân H1 đang đứng chờ, Xuân H1 hướng dẫn Phan Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K và Trần Văn H4 dẫn ông Lê Văn M vào phòng lạnh trên lầu 1 để ông M ngồi vào bàn, ghế trong cùng, ngồi đối diện với ông M là Bùi Xuân H1, bên cạnh là Phan Văn H2, ngồi bên cạnh ông M là Trần Thanh Hải, T và K ngồi hai ghế ngoài cùng. Sau khi mọi người ổn định vị trí, Phan Văn H2 yêu cầu ông M lấy bóp, điện thoại để trên bàn cho Hùng kiểm tra. Lúc này, có 03 người khách của Bùi Xuân H1 vô phòng, Bùi Xuân H1 dẫn khách ra bàn phía sau ngồi. Tại bàn ông M ngồi gồm có ông M, Phan Văn H2 và Trần Thanh Hải, còn T và K qua bàn kế bên ngồi quan sát, Phan Văn H2 kiểm tra bóp, giấy tờ, tiền của ông M.

Lúc 09 giờ 35 phút cùng ngày, một người đàn ông tự xưng Thái còi là người quen của Xuân H1 (chưa xác định lai lịch) đến vào bàn hỏi ai là Minh, Xuân H1 chỉ tay về phía ông M, Thái còi đi đến ngồi chỉ tay vào mặt ông M lớn tiếng chửi và đe dọa, yêu cầu ông M trả tiền, những người khách của Xuân H1 ngồi bàn phía sau đứng dậy đi về. Lúc này, Thái còi dùng tay đánh vào mặt ông M, đứng lên ghế dùng chân đá vào ngực, vào người ông M. Thái còi liên tục chửi, đe dọa ông M, buộc ông M phải trả tiền, nếu không trả thì ông M bị đánh vào mặt, đâm vào đầu, nắm tóc ghì xuống. Tất cả hành động của Thái còi đều có sự chứng kiến của Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, T, K và Hải.

Đến 09 giờ 48 phút, Thái salem (không xác định lai lịch, do Xuân H1 gọi đến) đến ngồi vào cùng bàn với ông M, cạnh bên Phan Văn H2, Thái còi đứng lên đánh vào mặt ông M, dí thuốc đang cháy vào mặt ông M, tiếp tục chửi, gây sức ép để ông M trả nợ.

Đến 09 giờ 52 phút, Thái còi và Thái salem dùng điện thoại quay phim chụp hình ông M, đưa điện thoại có hình ông M cho ông M xem, đe dọa nếu ông M không trả nợ sẽ đưa qua Campuchia xử lý.

Đến 09 giờ 53 phút, Thái Salem đứng lên hắt ly có nước vào mặt ông M, chửi, đe dọa sẽ xử lý ông M nếu không trả nợ, ép buộc ông M viết giấy nợ tính cả tiền lời từ trước đến nay với tổng số tiền là 750.000.000 đồng cho Thái còi, yêu cầu ông M điện thoại về gia đình cho người mang tiền đến trả mới cho ông M về, nếu không có tiền thì mang sổ nhà, sổ đất đến cầm, thế chấp lấy tiền trả. Ông M gọi điện thoại về cho vợ là bà Nguyễn Thị L yêu cầu đến quán để giải quyết. Phan Văn H2 nói với ông M “còn tiền tao thì mày tính sao?”, yêu cầu ông M viết giấy nợ, tính tiền lãi cho Phan Văn H2 số tiền là 45.000.000 đồng. Đến 10 giờ 03 phút, Thái còi tiếp tục dùng tay nắm tóc ông M, dí thuốc vào mặt ông M, liên tục đe dọa từ khi mới bước vào phòng.

Lúc 10 giờ 15 phút, một người đàn ông đến được Xuân H1 dẫn vào phòng giới thiệu là cán bộ của Cục hình sự- Bộ công an tên “Nghĩa” đến làm việc với ông M, ông Nghĩa ghi tên tuổi lai lịch của ông M, kiểm tra giấy nợ, giấy Chứng minh nhân dân chụp hình ông M, hù dọa nếu ông M không trả tiền cho ông H1 thì sẽ bị bắt, bị xử lý hình sự. Trong lúc ông Nghĩa ngồi làm việc với ông M, Thái còi đứng lên chửi, nắm đầu tóc, dùng tay đánh vào đầu ông M. Đến 10 giờ 25 phút, ông Nghĩa đứng lên đi đến bàn phía sau nói chuyện với Xuân H1 đến 10 giờ 37 phút thì ra về.

Lúc 11 giờ 35 phút cùng ngày, ông M xin đi vệ sinh, Thái còi yêu cầu K đi theo ông M canh chừng, K đi trước mở cửa cho ông M, sau đó dẫn ông M vào lại phòng.

Lúc 12 giờ 39 phút cùng ngày, bà Nguyễn Thị L (vợ của ông M) và ông Huỳnh Kim L (bạn của ông M) đến ngồi vào bàn nói chuyện với hai ông H1. Bà L thương lượng với hai ông H1 về số nợ, Văn H2, Xuân H1 và Thái còi, Thái salem yêu cầu bà L về vay mượn tiền hoặc cầm cố giấy tờ nhà mang tiền đến trả thì sẽ cho ông M về. Ông L cảm nhận tình hình không ổn bỏ về trước, đồng thời điện thoại báo Công an Phường Q, quận Z với nội dung “tại quán cà phê Trung Nguyên có xảy ra đánh nhau”.

Khoảng hơn 13 giờ 00 phút cùng ngày, hai cán bộ Công an Phường Q, quận Z là ông Nguyễn Trung H4 và ông Võ Tiến Đạt đến vào phòng lạnh nói chuyện với Xuân H1, Xuân H1 nói với ông Đạt “không có chuyện gì, không có đánh nhau, chỉ là giải quyết việc nợ nần”. Ông Hiếu nghe Xuân H1 nói thì ra ngoài điện thoại sau đó quay lại phòng nói chuyện với Xuân H1 rồi hai cán bộ công an đi về. Đến 13 giờ 35 phút, Thái còi bỏ về.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, Xuân H1 đi công việc. Bà L ra khỏi phòng sau đó 13 giờ 59 phút thì quay vào lại gặp ông M lấy túi đồ rồi ra về để kiểm tiền trả nợ. Lúc này trong phòng chỉ còn lại ông M, K và Phan Văn H2.

Đến 14 giờ 47 phút, ông M xin Phan Văn H2 đi vệ sinh, Hùng yêu cầu K đi theo giám sát, sau đó K đưa ông M quay trở lại phòng.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút, không thấy vợ ông M mang tiền đến, Phan Văn H2 điện thoại cho Xuân H1 yêu cầu về lại giải quyết. Ông M lo sợ sẽ bị đưa đi nơi khác nên xin Phan Văn H2 cho điện về cho vợ kiểm tra có tiền chưa, Phan Văn H2 đồng ý, khi liên lạc biết được bà L vẫn chưa có tiền, ông M nghe Phan Văn H2 nói “nếu không có tiền sẽ đưa đi nơi khác”, lo sợ, lợi dụng Phan Văn H2 không để ý, ông M lén lút lấy điện thoại nhắn tin cho bà L yêu cầu bà L đến trình báo Công an vì sẽ bị đưa đi nơi khác. Nhận tin, bà L điện thoại đến Công an Phường Q, quận Z trình báo. Khi Xuân H1 quay lại, cùng lúc Công an Phường Q, quận Z đến đưa mọi người về Trụ sở Công an Phường Q, quận Z giải quyết.

Quá trình điều tra, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn K và Nguyễn Văn T khai nhận hành vi như nêu trên.

Trích xuất camera tại quán cà phê Trung Nguyên địa chỉ số 06 TS, Phường 02, quận Z, ghi nhận diễn biến như nêu trên. Tại khu vực phòng lạnh, từ khi Xuân H1 dẫn ông M vô phòng cho đến khi công an đến đưa tất cả về phường làm việc, chỉ có hai lần khách ông Xuân H1 vào ngồi uống nước nói chuyện một lúc rồi đi, không có khách nào khác được vô phòng này. Chỉ có nhân viên phục vụ quán vô bung nước, rót nước, bung thức ăn vô rồi ra ngay. Phòng lạnh nằm riêng biệt trên lầu 1, có phòng vệ sinh ngay phía sau, có lối đi riêng từ phía sau phòng. Làm việc với quản lý là ông Nguyễn Hoàng Trung Kiên xác định Xuân H1 là khách quen của quán, khi đến chỉ ngồi tại phòng này, đây là phòng riêng biệt, chỉ có 01 nhân viên lên phục vụ nước, không cho nhân viên ở lại làm phiên.

Báo cáo của Công an Phường Q, quận Z và camera ghi nhận, khoảng 13 giờ 00 phút ngày 16/7/2014, có một người đàn ông gọi điện thoại đến Công an Phường Q thông báo “tại quán cà phê Trung Nguyên có xảy ra đánh nhau”. Do vậy, Công an Phường Q cử hai cán bộ là ông Nguyễn Trung H4 và ông Võ Tiến Đạt đến nơi xem xét sự việc. Khi đến quán cà phê hai cán bộ Công an hỏi nhân viên quán “có ai đánh nhau gây mất trật tự không?”, nhân viên trả lời “không có”. Hai cán bộ công an đi lên lầu quan sát, vào phòng lạnh và tiếp xúc với Bùi Xuân H1. Ông H1 nói “ở đây không có gì”. Đồng thời quan sát không thấy có đánh nhau nên cán bộ Hiếu điện thoại xin ý kiến chỉ huy, 02 cán bộ công an ra về.

Ông Nguyễn Tiến Nghĩa thừa nhận có mặt vào thời điểm trên do ông đưa người nhà ra Sân bay T Sơn Nhất thì Bùi Xuân H1 điện thoại cho ông đến quán cà phê Trung Nguyên, ông nhìn thấy nhóm người đang giải quyết nợ. Nghe vậy, ông Nghĩa có hỏi lai lịch của ông M và chuyện ông M nợ tiền, ông Nghĩa giải thích cho ông M nếu không trả tiền sẽ bị xử lý theo pháp luật. Do thấy Hùng râu đang có việc không tiện uống cà phê, ông Nghĩa bỏ về.

Đối với bị hại là ông Lê Văn M xác định rất lo sợ các đối tượng trên vì số người của Phan Văn H2 rất đông, ông M bị ức chế về mặt tinh thần, không dám làm sai hay phản ứng khi Phan Văn H2 yêu cầu ông lên taxi để đến cà phê Trung Nguyên. Tại cà phê Trung Nguyên, ông M bị tước quyền tự do, không được phép

sử dụng điện thoại mà do Phan Văn H2 giám sát, khi đi vệ sinh phải xin phép và có người đi theo canh bên ngoài cửa. Cũng tại đây, ông M bị hai đối tượng Thái còi và Thái salem đánh đập, đe dọa trả nợ. Khi Công an Phường Q, quận Z đến, Bùi Xuân H1 là người trực tiếp nói chuyện với Công an, do Công an Phường không nói chuyện với ông M và ông M thấy Bùi Xuân H1 có thái độ thân với công an, nhóm của Hùng có 05 đến 06 người nên ông M không dám kêu la, cầu cứu. Nguyên nhân không truy hô nhờ hỗ trợ do bị uy hiếp tinh thần, nếu không nghe theo ông sợ bị đánh và bị đưa đi Campuchia, ông M hoang mang, tinh thần bị tê liệt, không còn khả năng chống cự. Đến gần 16 giờ chiều cùng ngày, do vợ chưa có tiền trả, ông M nghe Phan Văn H2 nói sẽ chuyển đi nơi khác nên ông M lén nhắn tin cho vợ yêu cầu vợ nhanh chóng báo công an. Kiểm tra thân thể của ông M có dấu vết bị gây thương tích.

Bà Nguyễn Thị L xác định khi bà và ông L đến quán Trung Nguyên không quen biết ai trong số họ. Bà thấy ông M ngồi im re, bà hỏi có bị sao không thì ông M không trả lời. Tuy nhiên, bà nhìn mặt ông M bị sưng, có dấu tàn thuốc lá châm trên mặt, vẻ mặt mệt mỏi là bà đoán được ông M bị đánh rồi, Bùi Xuân H1, Phan Văn H2, Thái Còi, Thái salem đe dọa nếu không có tiền, không cầm giấy tờ thì không thả ông M. Khi Công an Phường đến, Bùi Xuân H1 là người trực tiếp nói chuyện với Công an “không có gì, nếu không giải quyết được thì đưa lên Công an phường”. Do mục đích của bà L là đến thương lượng, không suy đoán được tình trạng của ông M, bà L chỉ lo vay mượn tiền trả nợ. Đến khi nhận được tin nhắn của ông M, bà L mới biết Bùi Xuân H1 sẽ đưa ông M đi nơi khác, không lên Công an Phường như lời đã nói, lúc này, bà L lo sợ đến tình trạng nguy hiểm của ông M nên đến trình báo tại Công an Phường Q, quận Z.

Ông Huỳnh Kim L là người chở bà Nguyễn Thị L đến quán cà phê Trung Nguyên xác định khi đến quán cà phê Trung Nguyên nhìn thấy ông M bị nhiều người vây xung quanh, 01 người lớn tiếng chửi, đe dọa ông M nhìn “rất hung dữ giống dân giang hồ” nên ông L bỏ ra về và đến Công an Phường Q, quận Z trình báo về việc “tại quán cà phê Trung Nguyên có bắt người, đánh nhau” rồi ông đi về. Khoảng 01 đến 02 giờ sau, ông L gọi điện lại cho ông M hỏi công an đến chưa, ông M trả lời chưa, ông L tiếp tục điện thoại lại thông báo Công an Phường Q “có đánh nhau tại quán cà phê Trung Nguyên”.

Trung cầu giám định đối với đoạn camera thu tại quán cà phê Trung Nguyên địa chỉ số 06 TS, Phường 02, quận Z ngày 16/7/2014, Kết luận giám định số 4184/C09B ngày 10/9/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết quả đoạn camera này không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung, hình ảnh các đối tượng có trong đoạn camera so với hình ảnh do Cơ quan điều tra cung cấp gồm: bị can Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, bị hại Lê Văn M và các đối tượng Thái còi, Thái salem là cùng một người.

Đối với hành vi đánh đập, buộc ông Lê Văn M viết giấy nợ không đúng thực tế của Thái còi và Thái salem có dấu hiệu của tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tuy nhiên,

hiện nay chưa bắt được Thái còi, Thái salem nên chưa làm việc được hai đối tượng này, hai tờ giấy viết nhận nợ mà ông M khai viết cho ông Bùi Xuân H1 và Thái còi chưa thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Z đã thông báo truy tìm, khi nào làm việc được sẽ tiến hành điều tra xử lý sau.

Đối với Lê Anh Kiệt, Nguyễn Thanh Hải chưa xác định nhân thân lai lịch nên chưa có cơ sở điều tra làm rõ, có cơ sở sẽ xử lý sau.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 USB ghi lại diễn biến tại quán cà phê Trung Nguyên tại số 06 TS, Phường Q, quận Z, lưu hồ sơ vụ án.

** Vật chứng đã được giải quyết trong quá trình điều tra, xét xử trước đó:*

- 01 điện thoại di động Nokia 7320 màu đen thu giữ của Phan Văn H2, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu trắng thu giữ của Bùi Xuân H1, 01 điện thoại di động hiệu Vertu và 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Nguyễn Văn K, 01 biển số 59U1-136.18 thu giữ của Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia thu giữ của Trần Thanh Hải.

- 01 chiếc xe gắn máy SH biển số 59U1-136.18, T khai mua của một người tên Hồ Văn Nam đăng tin bán xe trên mạng không rõ lai lịch. Qua xác minh biển số 59U1-136.18, kết quả biển số xe này là của xe Airblade do Trần Thị Mai đứng tên đăng ký. Tiến hành giám định giấy đăng ký xe thu giữ của T biển kiểm soát là 59U1-136.18 kết quả là giấy đăng ký giả. Kết quả giám định biển số xe 59U1-136.18 kết quả hình dấu đóng trên biển kiểm soát do cùng một con dấu đóng ra. Như vậy, đối tượng sử dụng phôi biển số thật để làm giả biển số. Tiến hành giám định số khung, số máy, kết quả số khung của chiếc xe này bị mài sâu, không xác định được số khung nguyên thủy. Quá trình xét xử, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm đã tuyên trả lại chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Ngọc Xuân.

Tại bản cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Z đã truy tố các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T về tội “Giữ người trái pháp luật” và truy tố Nguyễn Văn K về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố :

- Miễn trách nhiệm hình sự về hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” của Nguyễn Văn K.

- Miễn trách nhiệm hình sự về hành vi “Giữ người trái pháp luật” của Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T.

Ngày 12/01/2022, bị cáo Phan Văn H2 kháng cáo theo hướng tuyên bị cáo không phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Ngày 24/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Z có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 135/QĐ-VKS với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận như nội dung bản án sơ thẩm và công nhận hành vi phạm tội, việc xét xử là đúng pháp luật, không oan sai.

- Bị cáo Phan Văn H2 vắng mặt tại phiên tòa ngày 05/8/2022, trước đó tại phiên tòa ngày 22/6/2022 thì bị cáo khai nội dung như sau: Kiệt là bạn làm ăn với bị cáo, Kiệt biết ông M thiếu tiền bị cáo, bỏ trốn không trả, bị cáo tìm ông M chưa được. Ngày 13/7/2014 bị cáo được Kiệt báo tin đã biết nhà ông M ở và nói ông M vừa trúng hợp đồng, kêu bị cáo lên thành phố giải quyết. Sáng ngày 15/7/2014, bị cáo đi xe khách từ Cần Thơ lên với mục đích gặp ông M để đòi tiền. Chiều ngày 15/7/2014 trong lúc cùng ngồi nhậu chung thì Kiệt có giới thiệu cho bị cáo biết K và T, đồng thời nói K và T biết nhà ông M nên sẽ giúp bị cáo tìm gặp ông M. Bị cáo không nhờ T, K hay Kiệt giúp mình đòi nợ ông M. Sau khi nhậu xong thì T đưa bị cáo về nhà T ngủ. Đến sáng ngày 16/7/2014, bị cáo kêu T chở đến nhà ông M, khi vào quán hủ tiếu trước nhà ông M thì gặp K đã ngồi sẵn, cả 3 ngồi một lúc thì T nói có việc nên đi về, bị cáo và K ngồi một lúc thì bị cáo nhìn thấy có một người đàn ông đeo khẩu trang chạy xe máy màu đỏ từ nhà ông M ra, do không biết có phải là ông M không nên bị cáo nhờ K chạy theo có phải ông M không thì báo bị cáo. Bị cáo ngồi chờ khoảng 30 phút không thấy K quay lại nên điện thoại hỏi T số điện thoại của K, K báo đã đưa ông M vào quán cà phê và kêu bị cáo đến. Do không có xe nên bị cáo điện thoại kêu T đến chở bị cáo đến quán cà phê Caro nơi ông M và K đang ngồi. Mới ngồi nói chuyện với ông M một lúc thì bị cáo thấy có xe taxi đến, T kêu có ông H1 râu kêu đưa ông M về quán cà phê Trung Nguyên ở Phường Q, quận Z để nói chuyện. Bị cáo không đồng ý nhưng Hải là người đi cùng T nói có chuyện gì thì lên Tân Bình nói. Sau đó bị cáo thấy K và Hải đưa ông M lên xe taxi nên bị cáo lên xe đi cùng. T chạy xe máy theo đi trước chỉ đường. Đến quán cà phê Trung Nguyên thì gặp Bùi Xuân H1, Bùi Xuân H1 đưa tất cả lên lầu 1. T và Hải đi về lúc nào bị cáo không rõ. Một lúc thì có ông đại tá Nghĩa đến quán gặp ông M, Bùi Xuân H1 giới thiệu đây là cán bộ điều tra của Bộ công an, bạn của Bùi Xuân H1. Ông Nghĩa nói ông M lấy giấy tờ tùy thân để kiểm tra, lấy điện thoại chụp hình ông M nhưng ông M không có phản ứng gì, đều thực hiện bình thường. Ông Nghĩa còn hỏi thêm vài câu rồi đứng lên, kêu ông

M thu xếp trả tiền cho Bùi Xuân H1 và ra về. Khoảng 10 phút sau có 2 người thanh niên một người xưng là Thái còi, một người xưng là Thái salem đến hỏi Bùi Xuân H1 ông M là ai, sau khi được Bùi Xuân H1 chỉ về phía ông M, hai người này đã có những lời nói đe dọa, đánh đập ông M, do ông M không có tiền nên yêu cầu ông M viết giấy nợ cho Bùi Xuân H1. Bị cáo không hề biết gì về giấy nợ này cho đến khi về đến công an Phường Q ông M đưa giấy ra bị cáo mới biết. Bị cáo không biết tờ giấy nợ ông M viết cho Bùi Xuân H1 ở đâu. Ông M gọi điện cho vợ là bà L đến quán. Sau đó, có hai đồng chí công an đến quán lên lầu 1 hỏi có việc gì xảy ra, Bùi Xuân H1 đứng dậy tiếp chuyện và nói nợ nần đang giải quyết, không có việc gì đâu, ông M và vợ không có phản ứng gì. Hai đồng chí công an ra về, Bùi Xuân H1 cũng đi đâu có việc luôn. Tại quán chỉ còn bị cáo, ông M và K. Ông M kêu vợ về nhà cầm giấy tờ chuẩn bị tiền đem lên trả nợ. Bị cáo và K ngồi chờ vợ ông M đến khoảng 4 giờ thì công an đến mời tất cả về phường giải quyết. Bị cáo không gọi điện cho Bùi Xuân H1 kêu Hùng về lại quán giải quyết do ông M không trả nợ. Bị cáo không đồng ý với Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo về tội bắt giữ người trái pháp luật vì không có tài liệu nào chứng minh bị cáo có thuê mướn K, T bắt giữ ông Lê Văn M và thực tế bị cáo không phải là người thuê mướn K, T bắt giữ ông Lê Văn M, khi phát hiện có người từ nhà ông M đi ra bị cáo chỉ nói với K là đuổi theo nếu là ông M thì đưa vào một quán cà phê gần đó cho bị cáo đến gặp để giải quyết việc ông M nợ tiền; trong suốt thời gian gặp ông M trong quán cà phê ở Quận V và ở quận Z bị cáo không hề đánh đập, đe dọa gì đối với ông Lê Văn M.

- Bị cáo Bùi Xuân H1 giữ nguyên lời khai tại phiên tòa ngày 22/6/2022 với nội dung: Bị cáo không đồng ý với bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội giữ người trái pháp luật. Bị cáo xác nhận các lời khai, trình bày trước đây trong quá trình điều tra và các phiên tòa. Các đối tượng đưa ông M đến quán cà phê Trung Nguyên có K, T, Phan Văn H2 và mấy người khác, bị cáo không quen biết Phan Văn H2, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, bị cáo chỉ biết Kiệt do trước đây cùng làm ăn với ông M. Bị cáo không bắt giữ, đánh đập, đe dọa đối với ông M, việc đánh đập ông M và bắt bà L về cầm sổ đỏ, giấy tờ kiểm tiền lên trả nợ là do Thái còi, thái salem (là người ông điện thoại gọi đến) thực hiện, khi 4 giờ chiều Công an phường xuống mời tất cả về phường làm việc thì chính bị cáo là người lấy xe chở về Công an phường. Chứng minh lời khai của bị cáo thể hiện ở camera ghi hình tại lầu 1 quán cà phê Trung Nguyên. Tất cả hình ảnh đều chứng minh lời khai của bị cáo là đúng.

- Bị hại ông Lê Văn M khai có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các lời khai trình bày trong quá trình điều tra thì có nội dung như sau: Từ lúc bị khống chế đưa vào quán cà phê Caro ở Quận V đến suốt ở trong quán cà phê Trung Nguyên ở quận Z thì ông bị đông người áp đảo, đe dọa, đánh đập làm tinh thần của ông hoảng loạn, nghĩ có la lên, kêu cứu, chạy thoát thì cũng không thoát được người của Phan Văn H2 và Bùi Xuân H1 nên ông mới ngồi yên chịu trận mà không dám phản kháng, ý chí đã bị tê liệt; chỉ khi nghe bị cáo Phan Văn H2

nói sẽ đưa ông đi nơi khác để giải quyết, thấy nguy hiểm đến tính mạng lúc đó ông chỉ còn cách kêu vợ báo công an, nếu không sẽ chết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu: Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích các tình tiết phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát phân tích cơ sở áp dụng khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 như: Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự. Tội bắt, giữ người trái pháp luật là hành vi ngăn cản, tước đoạt sự tự do hoạt động, tự do dịch chuyển thân thể của người khác trái với quy định của pháp luật về căn cứ thẩm quyền và pháp luật. Khách thể của tội danh này là xâm phạm vào quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T về tội: “Giữ người trái pháp luật” và Nguyễn Văn K về tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có căn cứ, vì không phù hợp với khách thể của tội danh này. Do đó, trường hợp này, cần phải hủy bản án hình sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm tuyên miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K là không có căn cứ. Từ đó đề nghị: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm d khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Hủy bản án hình sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Do đề nghị cấp phúc thẩm hủy án, nên không xem xét về nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân quận Z và Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn H2. Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị, bản án đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo Nguyễn Văn K không tranh luận

- Bị cáo Bùi Xuân H1 tranh luận không chấp nhận việc đề nghị hủy án của đại diện Viện kiểm sát, vì thực tế bị cáo không phạm tội, việc ông M ngồi tại quán cà phê đến 16 giờ là hoàn toàn tự nguyện, bị cáo không bắt giữ, đánh đập, đe dọa đối với ông M, việc đánh đập ông M và bắt bà L về cầm sổ đỏ, giấy tờ kiểm tiền lên trả nợ là do Thái cò, Thái salem thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo giữ nguyên quan điểm đã tranh luận và đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm

sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 11/01/2022, Tòa án nhân dân Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, đến ngày 11/01/2022, bị cáo Phan Văn H2 có đơn kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn H2 được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Ngày 24/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Z ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 135/QĐ-VKS với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K. Quyết định được phát hành trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/8/2022:

Bị cáo có kháng cáo là Phan Văn H2 và luật sư Trần Hải Đ bào chữa cho bị cáo Phan Văn H2 đều vắng mặt tại phiên tòa, khi đã được triệu tập hợp lệ bị cáo đến lần thứ hai không có lý do chính đáng, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt các bị cáo Phan Văn H2, Nguyễn Văn T và luật sư Trần Hải Đ.

[3] Tại phiên tòa, trên cơ sở toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai về toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và nội dung bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (mới là Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuy là tội do cố ý thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, song tội danh này thuộc chương “các tội xâm phạm tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân” và điều luật này không thuộc trường hợp tội phạm mới, nên không thuộc quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, đây là vụ án không thuộc trường hợp phải thỏa thuận, hòa giải giữa các bị cáo và bị hại, không thuộc vụ án như quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

“3. Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”.

Do vậy, Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận định “hành vi bắt, giữ người trái pháp luật của các bị cáo là hành vi ít nghiêm trọng, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường, người bị hại tự nguyện hòa giải và có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo” để miễn hình phạt cho các bị cáo là không có căn cứ vì không phù hợp với khách thể của tội danh này và việc áp dụng

không đúng các quy định của pháp luật là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên cần phải hủy án.

[4] Xét về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Z theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 135/QĐ-VKS, ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Z, với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K, như nhận định trên thì nếu chấp nhận kháng nghị phúc thẩm thì sẽ vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử, gây bất lợi cho các bị cáo, không thể khắc phục được theo trình tự phúc thẩm.

[5] Ngoài ra, Bản hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình kiến nghị trong bản án như sau: “Đối với các đối tượng Trần Thanh Hải, Lê Anh Kiệt, Thái còi, Thái salem, xét thấy hành vi của các đối tượng có dấu hiệu phạm tội bắt giữ người trái pháp luật, cưỡng đoạt tài sản, do đó Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra công an quận Z, Viện kiểm sát nhân dân quận Z tiếp tục thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, truy tìm để điều tra làm rõ nhằm để tránh bỏ lọt người phạm tội.”

Qua lời khai của bị cáo Bùi Xuân H1 tại phiên tòa thì Thái còi, Thái salem là do bị cáo Bùi Xuân H1 gọi điện thoại đến, từ lúc 09 giờ 35 phút cho đến 13 giờ 35 phút cùng ngày, Thái còi, Thái salem bỏ về. Trong khoảng thời gian này Thái còi đã nhiều lần lớn tiếng chửi và đe dọa, yêu cầu ông M trả tiền, rồi liên tục chửi, dùng tay đánh vào mặt, đâm vào đầu, nắm tóc ghì xuống, đứng lên ghé dùng chân đá vào ngực, vào người ông M, dí thuốc đang cháy vào mặt ông M, nhằm gây sức ép để ông M trả nợ, đồng thời đe dọa nếu ông M không trả nợ sẽ đưa qua Campuchia xử lý tất cả hành động của Thái còi, Thái salem đều có sự chứng kiến của Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K và Hải. Đồng thời Thái Salem còn ép buộc ông M viết giấy nợ tính cả tiền lời từ trước đến nay với tổng số tiền là 750.000.000 đồng cho Thái còi, lúc này bị cáo Phan Văn H2 có nói với ông M “còn tiền tao thì mày tính sao?”, yêu cầu ông M viết giấy nợ, tính tiền lãi cho Phan Văn H2 số tiền là 45.000.000 đồng. Đồng thời, các đối tượng trên yêu cầu ông M điện thoại cho vợ là bà Nguyễn Thị L yêu cầu đến quán để giải quyết và mang tiền đến trả mới cho ông M về, nếu không có tiền thì mang sổ nhà, sổ đất đến cầm, thế chấp lấy tiền trả. Cũng trong khoảng thời gian này trong những lần ông M xin đi vệ sinh, thì Thái còi hoặc bị cáo Phan Văn H2 đều yêu cầu K đi theo ông M canh chừng, K đi trước mở cửa cho ông M, sau đó dẫn ông M vào lại phòng.

Trung cầu giám định đối với đoạn camera thu tại quán cà phê Trung Nguyên địa chỉ số 06 TS, Phường 02, quận Z ngày 16/7/2014, Kết luận giám định số 4184/C09B ngày 10/9/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết quả đoạn camera này không bị cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung, hình ảnh các đối tượng có trong đoạn camera so với hình ảnh do Cơ quan điều tra cung

cấp gồm: bị can Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn K, Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, bị hại Lê Văn M và các đối tượng Thái còi, Thái salem là cùng một người.

Như vậy, đối với hành vi đánh đập, buộc ông Lê Văn M viết giấy nợ không đúng thực tế và buộc bà L (vợ ông M) về vay mượn tiền hoặc cầm cố giấy tờ nhà mang tiền đến trả thì mới cho ông M ra về của Thái còi và Thái salem đã có dấu hiệu của tội “Cưỡng đoạt tài sản” và có sự đồng phạm của các bị cáo Bùi Xuân H1 (người trực tiếp gọi điện thoại cho Thái còi, Thái salem đến) và bị cáo Phan Văn H2 mà chưa được điều tra, xem xét, dẫn đến có khả năng bỏ lọt tội, lọt người phạm tội, đồng thời không thể tách rời để xử lý bằng vụ án khác, nên đề nghị tiếp tục điều tra xử lý theo pháp luật.

[6] Từ những lý do trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải hủy Bản hình sự sơ thẩm số 03/2022/HSST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát quận Z để giải quyết, điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

Do bản án bị hủy do vi phạm về tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung vụ án, không xem xét đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn H2 về việc tuyên bị cáo không phạm tội “Giữ người trái pháp luật”. Cũng như không xem xét nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 135/QĐ-VKS, ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu tại phiên tòa về việc hủy án sơ thẩm để điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do án sơ thẩm bị hủy nên các bị cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2022/HS-ST ngày 11/01/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra, truy tố, xét xử lại theo các quy định pháp luật.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết, điều tra, truy tố và xét xử lại theo thủ tục chung.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Phan Văn H2, Bùi Xuân H1, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại hồ sơ vụ án.

3. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND quận Z; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND quận Z; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Bị cáo; (4)
- Luật sư; (1)
- Bị hại, người liên quan; (5)
- Trại giam; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (26) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồng Sơn